

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **20/2022/HS-ST**  
Ngày 04 tháng 5 năm 2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

***- T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vi Văn Định

Bà Bùi Thị Hảo

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn T Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa:*** Bà H2 Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P tiến H2nh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2022/HSST ngày 14 tháng 01 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Thị Hồng T** - sinh năm 1982; CMND số: 131573562, do Công an tỉnh P cấp ngày 15/10/2016; Hộ khẩu thường trú: Tổ 18, phố CD, phường AC, thị xã P, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Bùi Xuân U, sinh năm 1956; Mẹ đẻ: Phạm Thị X, sinh năm 1957; Hiện bố mẹ đều ở: khu 7, xã TM, thị xã P; Anh chị em ruột: Gia đình có 03 người, bị cáo là thứ ba; Chồng: H2 Mạnh S, sinh năm 1979 (không đăng ký); Lao động tự do; Con: Có 01 con, sinh năm 2017; Hiện chồng, con đều ở phố CD, phường AC, thị xã P; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/9/2021 đến ngày 19/9/2021 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại tại phường AC, thị xã P, tỉnh P. (Có mặt).

2. Họ và tên: **Vũ Trung K** - sinh năm 1982; CMND số: 131410925, do Công an tỉnh P cấp ngày 26/01/2013; Hộ khẩu thường trú: tổ 57B, khu 6C, phường NT, T phố V, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Vũ Đình C, sinh năm 1953; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1955; Hiện bố mẹ đều ở: khu 9, thị trấn TB, huyện TB; Anh chị em ruột: Gia đình có 03 người, bị cáo là thứ ba; Vợ: Nguyễn Lan H, sinh năm 1984; Lao động tự do; Con: Có 03 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm

2017; Hiện chồng, con đều ở khu 6C, phường NT, T phố V; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 19 ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân T phố V xử phạt Vũ Trung K 10.000.000đ về tội “Đánh bạc”. Số tiền dùng vào việc đánh bạc là 4.410.000đ (dưới 5.000.000đ).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/9/2021 đến ngày 19/9/2021 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại tại phường NT, T phố V, tỉnh P. (Có mặt).

**3. Họ và tên: Nguyễn Thị Phương T** - sinh năm 1982; CMND số: 131620807, do Công an tỉnh P cấp ngày 24/9/2013; Hộ khẩu thường trú: khu ND, phường AC, thị xã P, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Nguyễn Trung T, sinh năm 1953; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị TI, sinh năm 1956; Hiện bố mẹ đều ở xã L, thị xã P; Anh chị em ruột: Gia đình có 03 người, bị cáo là thứ hai; Chồng: Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1978; Lao động tự do; Con: Có 03 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011; Hiện chồng, con đều ở phường AC, thị xã P; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/9/2021 đến ngày 19/9/2021 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại phường AC, thị xã P, tỉnh P. (Có mặt).

**4. Họ và tên: Vũ Đức T** - sinh năm 1983; CMND số: 131578321, do Công an tỉnh P cấp ngày 07/8/2017; Hộ khẩu thường trú: Tổ 19C, khu 2B, phường NT, T phố V, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Vũ Đình Thanh, sinh năm 1948; Hiện ở xã N, L, tỉnh P; Mẹ đẻ: Cao Thị L (đã chết); Anh chị em ruột: Gia đình có 02 người, bị cáo là thứ hai; Vợ: Bùi Thị Việt H, sinh năm 1983; Lao động tự do; Con: Có 01 con, sinh năm 2008; Hiện vợ, con đều ở khu 2B, phường NT, T phố V; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo ra đầu thú, không bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/9/2021, tại ngoại tại phường NT, T phố V, tỉnh P. (Có mặt).

**5. Họ và tên: Bùi Văn Lâm** - sinh năm 1982; CCCD số: 025082009685, do Cục quản lý H2nh chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 05/5/2021; Hộ khẩu thường trú: Tổ 26, phố Hồng H2 2, phường BG, T phố V, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Bùi Thắng L2 (đã chết); Mẹ đẻ: Lê Thị Mai, sinh năm 1957; Hiện ở tổ 26, phố H 2, phường BG, T phố V; Anh chị em ruột: Gia đình có 02 người, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Ngô Thị Lan H, sinh năm 1982; Lao động tự do; Con: Có 02 con, sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; Hiện vợ, con đều ở tổ 26, phố Hồng H2 2, phường BG, T phố V, tỉnh P; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo ra đầu thú, không bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/9/2021, tại ngoại tại phường Bến Gót, T phố V, tỉnh P. (Có mặt).

**6. Họ và tên: Trần Thị Việt Hà** - sinh năm 1976; CMND số: 132118107, do Công an tỉnh P cấp ngày 10/5/2008; Hộ khẩu thường trú: Phố D, phường AC, thị xã P, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Trần Văn C, sinh năm 1950; Mẹ đẻ: Đỗ Thị L, sinh năm 1955; Hiện bố mẹ đều ở phường AC, thị xã P; Anh chị em ruột: Gia đình có 03 người, bị cáo là thứ nhất; Chồng: Nguyễn Chí Quốc, sinh năm 1973; Lao động tự do; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2004; Hiện chồng, con đều ở phường AC, thị xã P; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/9/2021, tại ngoại tại phường AC, thị xã P, tỉnh P. (Có mặt).

**7. Họ và tên: Nguyễn Ngọc S** - sinh năm 1992; CMND số: 132091402, do Công an tỉnh P cấp ngày 09/12/2013; Hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã Lương Lễ, huyện TB, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Nguyễn Văn Y, sinh năm 1971; Mẹ đẻ: Cù Thị Kim YT, sinh năm 1973; Hiện ở: Lương Lễ, TB; Anh chị em ruột: Gia đình có 02 người, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Đỗ Thị Minh N, sinh năm 1991; Lao động tự do; Con: Có 02 con, sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; Hiện vợ, con đều ở khu 1, xã Lương Lễ, huyện TB, tỉnh P; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo ra đầu thú, không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/9/2021, tại ngoại tại xã Lương Lễ, huyện TB, tỉnh P. (Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 16/9/2021, tại số NH2 62, khu dân cư ND, phường AC, thị xã P, tỉnh P, Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh P bắt quả tang Bùi Thị Hồng T - sinh năm 1982, có hộ khẩu thường trú tại phố CD, phường AC, thị xã P đang đánh bạc với người khác bằng hình thức mua bán số lô, số đề thông qua việc gửi, nhận tin nhắn trên tài khoản zalo của T có tên: “Tài khoản bị khóa”. Thu giữ 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu hồng, gắn sim: 0916.423.999. Khám xét khẩn cấp nơi ở của T thu giữ nhiều tờ giấy có liên quan đến việc cho vay tiền và một số đồ vật, tài liệu khác.

Cách thức chơi bạc như sau:

*Số đề 2 chữ số:* Người đánh bạc nhắn tin cho T tự lựa chọn mua một hoặc nhiều cặp số. Mỗi cặp gồm 2 số tự nhiên bất kỳ từ 0 đến 9 (cặp số từ 00 đến 99),

mức tiền mua từng cặp số, rồi chờ đổi chiều với kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng ngày hôm đó, nếu trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì người mua được trả gấp 70 lần số tiền đã bỏ ra mua số đề đó.

**Số lô 2 chữ số:** Người mua tự lựa chọn mua một hoặc nhiều cặp số gồm 2 số tự nhiên bất kỳ (cặp số từ 00 đến 99), mức mua tính theo “điểm”, mỗi điểm được bán với giá 23.000đ (hai mươi ba ngàn đồng). So sánh với kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày; nếu số lô đã mua trùng với hai chữ số cuối của bất kỳ giải thưởng nào thì người mua trúng lô một lần. Nếu trong các giải thưởng có hai số cuối trùng nhiều lần với số lô của người mua thì người đó được trúng lô nhiều lần nhưng tối đa không quá ba lần, khi trúng lô người mua được trả 80.000đ (tám mươi nghìn đồng)/điểm. Đối với lô xiên 2: người chơi bỏ ra mua 10.000đ/1 điểm lô, khi trúng được trả gấp 10 lần; lô xiên 3: trúng lô được trả gấp 40 lần số tiền đã bỏ ra; lô xiên 4: trúng lô được trả gấp 100 lần.

Cụ thể:

1. Ngày 16/9/2021, Bùi Thị Hồng T nhận tin nhắn đánh bạc với:

Nguyễn Thị Phương T sử dụng chiếc điện thoại Iphone 11 pro max, gắn sim 0975.676.956, tài khoản zalo là “T hải sản”, T lưu trong danh bạ là: “T xinh”, gửi đến “Tài khoản bị khóa” của T 03 tin nhắn mua bán số lô, đề, tương đương với tổng số tiền đánh bạc là: **11.760.000đ**, trong đó: tiền lô: 10.460.000đ; tiền đề: 1.300.000đ. Chiếc điện thoại Iphone đã bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Trần Thị Việt H2 sử dụng chiếc điện thoại Iphone 6 plus màu hồng, gắn sim 0982.260.616, tài khoản zalo là “H2 Trần”, T lưu trong danh bạ là: “H2 Béo Chè Huế”, gửi đến “Tài khoản bị khóa” của T 11 tin nhắn mua bán số lô, đề, tương đương với tổng số tiền đánh bạc là: **5.100.000đ**, trong đó: tiền lô: 3.000.000đ; tiền đề: 2.100.000đ. Chiếc điện thoại đã bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Bùi Văn L sử dụng chiếc điện thoại Iphone 6s màu ghi, gắn sim 0899.812.273, trước đó L sử dụng số điện thoại 0973.010.598 đăng ký tài khoản zalo là “Mr Bùi”, gửi đến “Tài khoản bị khóa” của T 09 tin nhắn mua bán số lô, đề. Tuy nhiên, T mới xác nhận 8 tin nhắn thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, nên tin nhắn thứ 9 chuyển đến T chưa được xác nhận. Do đó, xác định có 08 tin nhắn đánh bạc giữa L và T tương đương với tổng số tiền đánh bạc là: **7.365.000đ**, trong đó: Tiền lô: 2.150.000đ; tiền đề: 5.215.000đ. Chiếc điện thoại đã bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Vũ Đức T sử dụng chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng, đăng ký tài khoản zalo “Thiên Mệnh” bằng sim rác rồi vứt bỏ sim rác đó đi, T lưu trong danh bạ là: “4260n”, gửi đến “Tài khoản bị khóa” của T 6 tin nhắn mua bán số lô, đề, tương đương với tổng số tiền đánh bạc là: **14.575.000đ**, trong đó: tiền lô: 3.000.000đ; tiền đề: 2.100.000đ. Khi không liên lạc được với T, T đoán là bị Công an bắt nên đã vứt bỏ chiếc điện thoại cùng sim gắn trong đó, đến nay không thu hồi được.

Vũ Trung K sử dụng điện thoại Iphone 6S, gắn sim 0913.926.502; Trước đó, K sử dụng sim 0789.148.859 đăng ký tài khoản zalo “Lđ 8859” kết bạn với tài khoản zalo “Tài khoản bị khóa” của T và lưu tên lại là: “Lđ2”. K nhận của T 23 tin nhắn có nội dung mua bán số lô, số đề, tương đương với số tiền đánh bạc là: **23.515.000đ**, trong đó: tiền lô: 13.335.000đ; tiền đề: 10.180.000đ.

Như vậy, tổng số tiền Bùi Thị Hồng T đánh bạc ngày 16/9/2021 là: **62.315.000đ**.

Ngoài ra, T còn nhận tin nhắn mua bán số lô, số đề của các tài khoản sau:

Nhận 08 tin nhắn số lô, đề từ tài khoản zalo “Trần bị khóa” của một người giới thiệu tên là Lộc không rõ địa chỉ ở đâu, tương ứng với số tiền đánh bạc là: 60.580.000đ;

Nhận 01 tin nhắn số lô, đề từ tài khoản zalo “Tâm vũ” của một người tên là Vũ nhưng không biết địa chỉ ở đâu, tương đương số tiền đánh bạc là: 2.000.000đ;

Nhận 01 tin nhắn số lô đề từ tài khoản zalo “Thắng 10.82” của một người tên Thắng, không rõ địa chỉ, tương ứng với số tiền đánh bạc là: 2.300.000đ;

Nhận 03 tin nhắn số lô, đề từ tài khoản “Tuấn Vt” của một người tên Tuấn không rõ địa chỉ, tương ứng số tiền đánh bạc là: 4.855.000đ.

Số tiền đánh bạc ngày 16/9/2021, các đối tượng chưa thanh toán cho nhau.

Ngoài ra ngày 08/9/2021, Bùi Thị Hồng T còn sử dụng chiếc điện thoại Iphone 7 plus màu hồng gắn sim số 0916.423.999 nhận 01 tin nhắn mua bán số lô, số đề từ số điện thoại: 0886.325.678 của Nguyễn Ngọc S - sinh năm 1992, ở khu 1, xã Lương Lễ, huyện TB, tỉnh P, tương đương với số tiền dùng vào việc đánh bạc là: 5.000.000đ, trong đó: tiền lô: 4.600.000đ, tiền đề: 400.000đ.

So sánh với kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày, S không trúng con lô, đề nào. Do đó, số tiền đánh bạc của S và T ngày 08/9/2021 là: 5.000.000đ. Số tiền này, S đã thanh toán cho T.

Đối với các tài khoản zalo chuyển tin nhắn mua bán số lô, đề với T nhưng T không biết địa chỉ nên Cơ quan điều tra không xác định được.

Như vậy, các bị cáo đánh bạc với số tiền dùng vào việc đánh bạc như sau:

Ngày 08/9/2021, Bùi Thị Hồng T và Nguyễn Ngọc S đánh bạc với nhau, số tiền dùng vào việc đánh bạc là: 5.000.000đ;

Ngày 16/9/2021, các bị can đánh bạc gồm:

Nguyễn Thị Phương T đánh bạc với số tiền dùng vào việc đánh bạc là: 11.760.000đ;

Trần Thị Việt H2 đánh bạc với số tiền dùng vào việc đánh bạc là: 5.100.000đ;

Bùi Văn L đánh bạc với số tiền dùng vào việc đánh bạc là: 7.365.000đ;

Vũ Đức T đánh bạc với số tiền dùng vào việc đánh bạc là: 14.575.000đ;

Vũ Trung K đánh bạc với số tiền dùng vào việc đánh bạc là: 23.515.000đ

Bùi Thị Hồng T đánh bạc với số tiền dùng vào việc đánh bạc là: 62.315.000đ.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đều khai nhận H2nh vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về H2nh vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

Đối với Vũ Trung K: Trong vụ án này, Cơ quan điều tra đã thu giữ của Vũ Trung K một số tờ giấy cho vay tiền. Quá trình điều tra xác định, mức lãi xuất mà K cho người khác vay chưa vượt quá 5 lần mức mà Bộ luật dân sự quy định. Do đó, H2nh vi của K không cấu T tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đối với Bùi Thị Hồng T: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2021, Bùi Thị Hồng T có H2nh vi cho nhiều người vay tiền. Cơ quan điều tra thu giữ được 11 giấy vay tiền tại nH2 T. Trong đó, thì: anh Lê Xuân Chung vay của T không tính lãi; anh Hán Minh Chính, Phan Quang Ngọc, Nguyễn Thị Lục và Lê Hồng S vay tiền của T mức lãi xuất từ 500đ-2.000đ/1 triệu/1 ngày, chưa vượt quá 5 lần mức lãi xuất mà BLDS quy định. Còn lại, những người vay tiền của T với mức lãi xuất 3.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày, tương đương với mức lãi xuất 108%/năm, vượt quá 5 lần mức lãi xuất mà Bộ luật dân sự quy định. Cụ thể như sau:

Người vay thứ 1: Anh Hoàng Anh Tuấn - sinh năm 1982, ở khu Mã Thượng A, thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh P.

Ngày 04/5/2021, anh Tuấn vay của T số tiền: 35.000.000đ, lãi suất vay là: 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Anh Tuấn đã trả cho T 04 tháng tiền lãi, với tổng số tiền là: 12.600.000đ. Tiền gốc chưa trả. Trong đó:

Số tiền lãi dưới 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là: 936.000đ;

Số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 10.266.020đ;

Người vay thứ 2: Chị Mai Thị Như Hoa - sinh năm 1977, ở khu Tân An, phường Hùng Vương, thị xã P, tỉnh P.

Ngày 02/5/2021, chị Hoa vay của T số tiền: 80.000.000đ, lãi suất vay là: 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Chị Hoa đã trả cho T 01 tháng tiền lãi là: 7.500.000đ. Tiền gốc chưa trả. Trong đó:

Số tiền lãi dưới 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là: 535.200đ;

Số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 5.866.640đ;

Sau đó Hoa trả tiền gốc 30.000.000đ. Còn nợ lại 50.000.000đ. Mỗi tháng Hoa phải trả 4.500.000đ tiền lãi, đã trả được 03 tháng lãi với tổng số tiền là: 13.500.000đ. Tiền gốc chưa trả. Trong đó:

Số tiền lãi dưới 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là: 1.033.500đ;

Số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 9.996.450đ;

Như vậy, tổng số tiền T thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 27.132.610đ. Theo quy định tại Điều 201 Bộ luật dân sự, thì: số tiền thu lời bất chính đối với 03 người vay trên từ 30.000.000đ trở lên mới đủ cấu T tội phạm. Do đó, H2nh vi của T chưa đủ yếu tố cấu T tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Vật chứng trong vụ án:

Cơ quan điều tra đã thu giữ các đồ vật, tài liệu sau:

01 điện thoại Iphone 7 plus màu hồng, sim 0916.423.999 (T sử dụng đánh bạc);

03 tờ giấy A4; 01 quyển sổ bìa đỏ (khi khám xét nh2 T) theo dõi tiền quỹ hội 1982 của T; do không liên quan đến H2nh vi phạm tội nên đã được trả lại cho bị can;

11 tờ giấy vay tiền có ghi các thông tin; được đưa vào hồ sơ vụ án;

01 điện thoại di động Iphone 6s màu hồng, gắn sim 0913.926.502 (K sử dụng đánh bạc);

01 điện thoại Iphone 12 pro màu ghi, sim 0961.256.669 và 0915.112.333, K không sử dụng đánh bạc nên đã trả lại cho K;

Khám xét nh2 K thu giữ: 04 hợp đồng đặt cọc (mẫu) chỉ có chữ ký xác nhận người đặt cọc; 02 giấy vay tiền chỉ có chữ ký người vay; 12 giấy vay tiền điền đủ thông tin, các tài liệu này được đưa vào hồ sơ vụ án; 01 quyển sổ bìa ngoài ghi “K Hương Mobile” được trả lại cho K do không liên quan đến H2nh vi phạm tội.

Thu của Nguyễn Thị Phương T: 01 Iphone 11 pro max màu vàng (sử dụng để đánh bạc);

Khám xét khẩn cấp nơi ở của T thu giữ 30 mẫu giấy vay tiền không có thông tin người vay, các tài liệu này được đưa vào hồ sơ vụ án.

Thu giữ của Bùi Văn L:

01 điện thoại Iphone 6s màu xám, sim 0973.010.598, không liên quan đến H2nh vi đánh bạc, CQĐT đã trả lại cho L;

01 điện thoại Iphone 6s màu xám, sim 0899812273 (L sử dụng để đánh bạc);

Thu của Nguyễn Ngọc S: 01 điện thoại OPPO F3 màu hồng, không liên quan đến H2nh vì phạm tội nên trả cho S;

Thu của Trần Thị Việt H2: 01 điện thoại Iphone 6 plus màu hồng, sim 0982260616;

*Vật chứng còn lại chuyển cho Cơ quan Thi H2nh án:*

01 điện thoại Iphone 7 plus màu hồng, imei: 353818089904823, sim 0916.423.999 (T sử dụng đánh bạc);

01 điện thoại di động Iphone 6s màu hồng, imei: 355418073959061, gắn sim 0913.926.502 (K sử dụng đánh bạc);

01 Iphone 11 pro max màu vàng, imei: 353888109984691, sim 0975.676.956;

01 Iphone 6s màu xám, sim 0899812273, imei: 353342075567676;

01 điện thoại Iphone 6 plus màu hồng, imei: 353337074258772, sim 0982260616.

Số tiền 4.000.000đ các bị can nộp để khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKSPT-P2 ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đã truy tố đối với các bị cáo như sau:

Bị cáo Bùi Thị Hồng T về tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo Vũ Trung K, Nguyễn Thị Phương T, Vũ Đức T, Bùi Văn L, Trần Thị Việt H2 và Nguyễn Ngọc S về tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Bùi Thị Hồng T khai nhận: Bị cáo sử dụng các con số lô, số đề nhận được từ những người chơi gửi cho T và chuyển cho K, thì chỉ tính T đánh bạc 1 lần với các con số lô, số đề đó, như vậy, số tiền đánh bạc của T không cộng phần đánh bạc của K để truy cứu trách nhiệm hình sự, số tiền đánh bạc của T ngày 16/9/2021 là: 38.800.000đ. Áp dụng Điều 319 Bộ luật hình sự rút một phần quyết định truy tố đối với T, còn truy tố với T số tiền đánh bạc ngày 16/9/2021 là: 38.800.000đ theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Vũ Trung K, Nguyễn Thị Phương T, Vũ Đức T, Bùi Văn L, Trần Thị Việt H2 và Nguyễn Ngọc S như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Bùi Thị Hồng T, Vũ Trung K, Nguyễn Thị Phương T, Vũ Đức T, Bùi Văn L, Trần Thị Việt H2 và Nguyễn Ngọc S phạm tội: "*Đánh bạc*".

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Bùi Thị Hồng T từ 21 đến

24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi, được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho UBND phường AC, thị xã P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung từ 20 đến 25 triệu đồng sung ngân sách NH2 nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Trung K từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo K cho UBND phường NT, T phố V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung từ 20 đến 25 triệu đồng sung ngân sách NH2 nước.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Đức T từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ, buộc bị cáo phải lao động tại cộng đồng trong thời gian chấp hành án theo quy định. Thời hạn cải tạo đối với bị cáo T được tính kể từ ngày UBND phường NT, T phố V nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Phạt bổ sung từ 20 đến 25 triệu đồng sung ngân sách NH2 nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T từ 40 đến 45 triệu đồng sung ngân sách NH2 nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn L từ 35 đến 40 triệu đồng sung ngân sách NH2 nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Việt H2 từ 30 đến 35 triệu đồng sung ngân sách NH2 nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S từ 20 đến 25 triệu đồng sung ngân sách NH2 nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu bán sung quỹ NH2 nước các đồ vật sau đây các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội: 01 điện thoại Iphone 7 plus màu hồng; 01 điện thoại di động Iphone 6s màu hồng; 01 Iphone 11 pro max màu vàng, sim 0975.676.956; 01 Iphone 6s màu xám, sim 0899812273; 01 điện thoại Iphone 6 plus màu hồng, sim 0982260616.

Đối với số tiền 9.000.000đ các bị cáo nộp trước khi xét xử sẽ được tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Truy thu sung ngân sách NH2 nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội như sau:

Truy thu của bị cáo Bùi Thị Hồng T số tiền 5.000.000đ. Xác nhận bị cáo T đã nộp 5.200.000đồng. Trả lại cho bị cáo 200.000đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi H2nh án.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị Phương T 11.760.000đ. Xác nhận bị cáo T đã nộp 2.000.000đ. Bị cáo T còn phải nộp 9.760.000đ.

Truy thu của bị cáo Trần Thị Việt H2 5.100.000đ. Xác nhận bị cáo H2 đã nộp 2.000.000đ. Bị cáo H2 còn phải nộp 3.100.000đ.

Truy thu của bị cáo Bùi Văn L 7.365.000đ.

Truy thu của bị cáo Vũ Đức T số tiền 14.575.000đ.

Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo Bùi Thị Hồng T, Vũ Trung K, Nguyễn Thị Phương T, Vũ Đức T, Bùi Văn L, Trần Thị Việt H2 và Nguyễn Ngọc S, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử vụ án: Do vụ án đánh bạc có liên quan đến đối tượng ở nhiều địa phương và liên quan đến một số đối tượng chưa rõ danh tính để xác định tính chính xác số tiền dùng vào việc đánh bạc, có sự phức tạp trong việc đánh giá, thống nhất về tính chất vụ án nên cần truy tố, xét xử ở cấp tỉnh.

Về tố tụng: Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Thông báo mở lại phiên toà, Toà án đưa anh Hoàng Anh Tuấn và chị Mai Thị Như Hoa với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Nhưng xét thấy những người này không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gì nên bản án này không đưa những người này tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Về căn cứ chứng minh H2nh vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Thị Hồng T khai nhận các số lô, số đề T nhận của Nguyễn Thị Phương T là 11.760.000đ; Trần Thị Việt H2 là 5.100.000đ; Bùi Văn L là 7.365.000đ; Vũ Đức T là 14.575.000đ với tổng số tiền là 38.800.000đ, T chuyển qua tin nhắn cho Vũ Trung K 23.515.000đồng. T chỉ xác định tham gia đánh bạc ngày 16/9/2021 là 38.800.000đ; ngoài ra T còn khai ngày 08/9/2021 T đánh bạc với Nguyễn Ngọc S số tiền 5.000.000đ. Các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị

Phương T, Trần Thị Việt H2, Bùi Văn L và Vũ Đức T đều thừa nhận H2nh vi đánh bạc như bị cáo Thuý khai. Bị cáo Vũ Trung K đánh bạc số tiền 23.515.000đ.

Như vậy cần xác định ngày 16/9/2022 T đánh bạc với T, Thuý, H2, L tổng số tiền là: 38.800.000đ. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P rút một phần cáo trạng truy tố bị cáo T từ khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự xuống khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Như vậy có cơ sở xác định Bùi Thị Hồng T đánh bạc với Nguyễn Ngọc S ngày 08/9/2021 số tiền 5.000.000đ; ngày 16/9/2021 T đánh bạc với Nguyễn Thị Phương T là 11.760.000đ; Trần Thị Việt H2 là 5.100.000đ; Bùi Văn L là 7.365.000đ; Vũ Đức T là 14.575.000đ. Tổng là 38.800.000đ; Vũ Trung K đánh bạc là: 23.515.000đ.

H2nh vi của các bị cáo Bùi Thị Hồng T đã cấu T tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. H2nh vi của các bị cáo Vũ Trung K, Nguyễn Thị Phương T, Vũ Đức T, Bùi Văn L, Trần Thị Việt H2 và Nguyễn Ngọc S đã cấu T tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P là đúng pháp luật.

[3] H2nh vi của của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng do NH2 nước quản lý, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội trên địa bàn. Vì vậy, cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật.

[4] Xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo có vai trò độc lập với nhau.

Bị cáo Bùi Thị Hồng T T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo là người đã có tinh thần ủng hộ công cuộc phòng chống dịch bệnh Covid 19, trong giai đoạn xét xử, bị cáo T đã tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn nên Cơ quan điều tra - Công an huyện Sông Lô có Công văn đề nghị các cơ quan tố tụng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000đ khắc phục hậu quả. Do đó, T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm điểm s điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T 02 lần thực hiện H2nh vi đánh bạc vào ngày 08 và ngày 16/9/2021 nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Vũ Trung K năm 2014 bị Tòa án xét xử về tội Đánh bạc, số tiền đánh bạc dưới 5.000.000đ. Bị cáo đã chấp H2nh xong hình phạt từ ngày 03/7/2015. Mặt khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi H2nh Bộ luật hình sự thì Bản án năm 2014 đã xét xử với K đến nay không coi là án tích. Tuy nhiên, lần phạm tội này bị cáo không được coi là phạm tội lần đầu, nhưng đánh giá bị cáo có nhân thân xấu; quá trình điều tra, bị cáo T khẩn khai báo, bị cáo đã ủng hộ phòng

chống dịch bệnh Covid 19 số tiền 5.000.000đ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Do bị cáo T và bị cáo K có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên cho các bị cáo hưởng mức án tù nhưng cho hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo.

Bị cáo Vũ Đức T lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra điều T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra bị cáo ra đầu thú nên bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên cho các bị cáo hưởng mức án cải tạo không giam giữ dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Phương T quá trình điều tra T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần đầu thực hiện H2nh vi phạm tội ít nghiêm trọng, bố đẻ là thương binh; trong giai đoạn điều tra, bị cáo tự nguyện nộp số tiền 2.000.000đ do H2nh vi đánh bạc nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Bị cáo Bùi Văn L lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra điều T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra bị cáo ra đầu thú nên bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Bị cáo Trần Thị Việt H2 lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra điều T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra bị cáo tự nguyện nộp số tiền 2.000.000đ là một phần tiền đánh bạc, bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Bị cáo Nguyễn Ngọc S lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra điều T khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Do bị cáo Thuý, bị cáo L, bị cáo H2 và bị cáo S có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Bùi Thị Hồng T, Vũ Trung K và Vũ Đức T đều phải chịu hình phạt bổ sung bằng tiền mới có tác dụng phòng ngừa tội phạm. Ngoài ra bị cáo Vũ Đức T không có công việc ổn định nên bị cáo phải lao động

phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp H2nh án cải tạo theo quy định của pháp luật; Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Phương Thuý, Bùi Văn L, Trịnh Thị Việt H2 và Nguyễn Ngọc S đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[5] Đối với các tài khoản zalo “Trần bị khóa”, “Tâm vũ”, “Thắng 10.82”, “Tuấn Vt”, T không xác định được tên đầy đủ, địa chỉ những người này ở đâu nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ. Khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với bị cáo Bùi Thị Hồng T và Vũ Trung K có H2nh vi cho vay nặng lãi nhưng số tiền lãi chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên không truy tố các bị cáo là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Các vật chứng liên quan đến phạm tội còn giá trị sử dụng cần tịch thu bán sung ngân sách NH2 nước.

Số tiền các bị cáo dùng để phạm tội cần truy thu để nộp ngân sách NH2 nước.

Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo một số tài sản không liên quan đến H2nh vi phạm tội của các bị cáo.

[7] Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đã đề nghị về điều luật, khung hình phạt, mức hình phạt, xử lý vật chứng đối với các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Các quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, thực H2nh quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự đã đảm bảo khách quan đúng quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị Hồng T, Vũ Trung K, Nguyễn Thị Phương T, Vũ Đức T, Bùi Văn L, Trần Thị Việt H2 và Nguyễn Ngọc S phạm tội “Đánh bạc”.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Thị Hồng T.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Hồng T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Thị Hồng T cho Ủy ban nhân dân phường AC, thị xã P, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi H2nh án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp H2nh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung Bùi Thị Hồng T 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để sung ngân sách NH2 nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Trung K

Xử phạt: Bị cáo Vũ Trung K 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Trung K cho Ủy ban nhân dân phường NT, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo K có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi H2nh án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp H2nh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung Vũ Trung K 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để nộp ngân sách NH2 nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Đức T.

Xử phạt bị cáo Vũ Đức T từ 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường NT, T phố V, tỉnh P nhận được Quyết định thi H2nh án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường NT, T phố V, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian chấp H2nh hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Người chấp H2nh hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi H2nh án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Buộc bị cáo T phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự trong thời gian chấp H2nh hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Đức T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung ngân sách NH2 nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Bùi Văn L, Trần Thị Việt H2 và Nguyễn Ngọc S.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Bùi Văn L 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Trần Thị Việt H2 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Để sung ngân sách NH2 nước. Các bị cáo phải nộp một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu bán sung ngân sách NH2 nước:

+ 01(một) ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng, số IMEI 353818089904823, lắp sim 0916.423.999 (thu giữ của Bùi Thị Hồng T);

+ 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 11 pro max màu hồng, số IMEI 35388109984691, lắp sim số 0975676056 (thu giữ của Nguyễn Thị Phương Thuý);

+ 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 6 màu hồng, số IMEI 355418073959061, lắp gắn sim 0913.926.502 (Thu giữ của Vũ Trung K);

+ 01 (một) ĐTDĐ Iphone 6 plus màu hồng, có số IMEI 353337074258772, lắp sim số 0982260616 (Thu giữ của Trần Thị Việt H2);

+ 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 6s màu xám, số IMEI 353342075567676, lắp sim số 0899812273 (Thu giữ của Bùi Văn L);

*(Tất cả các vật chứng nêu trên có tình trạng cụ thể như biên bản bàn giao cho Cục thi H2nh án dân sự tỉnh P ngày 13/01/2022).*

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án:

+ 11 tờ giấy vay tiền có ghi các thông tin; được đưa vào hồ sơ vụ án (thu giữ của Bùi Thị Hồng T)

+ 04 hợp đồng đặt cọc (mẫu) chỉ có chữ ký xác nhận người đặt cọc; 02 giấy vay tiền chỉ có chữ ký người vay; 12 giấy vay tiền điền đủ thông tin, các tài liệu này được đưa vào hồ sơ vụ án (thu giữ của bị cáo K);

+ 30 mẫu giấy vay tiền không có thông tin người vay, các tài liệu này được đưa vào hồ sơ vụ án (thu giữ của bị cáo Thuý)

- Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho Bùi Trung K 01 điện thoại Iphone 12 pro màu ghi, sim 0961.256.669 và 0915.112.333; 01 quyển sổ bìa ngoài ghi “K Hương Mobile”.

- Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho Bùi Văn L 01 điện thoại Iphone 6s màu xám, sim 0973.010.598;

- Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Ngọc S 01 điện thoại OPPO F3 màu hồng;

- Truy thu sung ngân sách nH2 nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội như sau:

+ Truy thu của bị cáo Bùi Thị Hồng T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), xác nhận bị cáo T đã nộp 5.200.000đ (Năm triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/0000026 ngày 25/02/2022 tại cục thi H2nh án dân sự tỉnh P. Trả lại cho bị cáo 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi H2nh án.

+ Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị Phương T 11.760.000đ (Mười một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Xác nhận bị cáo T đã nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên bản bàn giao cho Cục thi H2nh án dân sự tỉnh P ngày 13/01/2022. Bị cáo T còn phải nộp 9.760.000đ (Chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Truy thu của bị cáo Trần Thị Việt H2 5.100.000đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng). Xác nhận bị cáo H2 đã nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên bản bàn giao cho Cục thi H2nh án dân sự tỉnh P ngày 13/01/2022. Bị cáo H2 còn phải nộp 3.100.000đ (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

+ Truy thu của bị cáo Bùi Văn L 7.365.000đ (Bảy triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

+ Truy thu của bị cáo Vũ Đức T số tiền 14.575.000đ (Mười bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

#### **[5] Về án phí:**

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo Bùi Thị Hồng T, Vũ Trung K, Nguyễn Thị Phương T, Vũ Đức T, Bùi Văn L, Trần Thị Việt H2 và Nguyễn Ngọc S, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp cao tại H2 Nội để xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại H2 Nội;
- VKSND tỉnh P;
- Phòng PC01, PV06 Công an tỉnh P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh P;
- Cục THA dân sự tỉnh P;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh P;
- UBND phường AC, TXP;
- UBND phường NT, V;
- Các bị cáo;
- Lưu: HS, AV.

**Phạm Văn Toàn**